

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 4 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHCNN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 52, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Ngọc Hải Anh	01	81	8,0	Tám	
2	Phạm Tuấn Anh	02	72	7,5	Bảy rưỡi	
3	Phùng Hà Tùng Anh	03	26	7,5	Bảy rưỡi	
4	Tạ Văn Cần	04	57	7,0	Bảy	
5	Đỗ Ngọc Cảnh	05	41	7,0	Bảy	
6	Liễu Văn Chè	06	31	7,0	Bảy	
7	Nguyễn Thị Kim Chi	07	21	7,0	Bảy	
8	Trịnh Quang Chiến	08	80	7,5	Bảy rưỡi	
9	Chu Văn Chiến	09	09	8,0	Tám	
10	Phạm Văn Công	10	90	7,5	Bảy rưỡi	
11	Phạm Hùng Cường	11	85	7,0	Bảy	
12	Lê Minh Cường	12	03	7,5	Bảy rưỡi	
13	Đào Thị Dung	13	39	7,0	Bảy	
14	Thân Thị Thùy Dung	14	70	7,0	Bảy	
15	Phạm Trọng Đạt	15	58	7,0	Bảy	
16	Lê Thị Thanh Định	16	48	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Đình Đức	17	63	7,5	Bảy rưỡi	
18	Vũ Thị Hương Giang	18	04	7,5	Bảy rưỡi	
19	Trần Trường Giang	19	17	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Văn Giáp	20	76	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
21	Nguyễn Mạnh Hà	21	10	7,5	Bảy rưỡi	
22	Trần Thị Thu Hà	22	51	7,0	Bảy	
23	Nguyễn Thị Thu Hà	23	49	8,0	Tám	
24	Nguyễn Ngọc Hà	24	38	7,0	Bảy	
25	Hà Thị Ninh Hải	25	11	7,5	Bảy rưỡi	
26	Mai Khắc Hải	26	15	7,0	Bảy	
27	Nguyễn Thanh Hải	27	12	7,0	Bảy	
28	Phùng Thị Thu Hằng	28	08	8,0	Tám	
29	Tô Thị Hảo	29	55	7,5	Bảy rưỡi	
30	Phạm Thị Hảo	30	18	8,5	Tám rưỡi	
31	Nông Thị Hiền	31	43	7,5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Hiệp	32	33	7,5	Bảy rưỡi	
33	Nguyễn Văn Học	33	27	7,0	Bảy	
34	Đinh Thị Hồi	34	83	7,5	Bảy rưỡi	
35	Đồng Thị Hồng	35	19	7,0	Bảy	
36	Hà Bùi Huệ	36	42	7,0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Hương-1979	37	20	7,0	Bảy	
38	Nguyễn Thị Hương-1987	38	-	-	-	Vắng thi
39	Nguyễn Quang Huy	39	86	7,0	Bảy	
40	Ngô Mai Lan	40	34	8,0	Tám	
41	Hoàng Trung Lâm	41	91	7,5	Bảy rưỡi	
42	Đàm Văn Lập	42	25	7,0	Bảy	
43	Nguyễn Thị Hải Linh	43	36	7,5	Bảy rưỡi	
44	Cà Thị Thùy Linh	44	73	7,5	Bảy rưỡi	
45	Mai Thùy Linh	45	88	7,5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Mạnh Linh	46	24	7,0	Bảy	
47	Phạm Thị Loan	47	74	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
48	Âu Thị Bích Lựu	48	67	7,0	Bảy	
49	Nguyễn Thị Luyến	49	84	7,0	Bảy	
50	Triệu Văn Mạnh	50	75	7,0	Bảy	
51	Hứa Thị Thu Minh	51	60	7,5	Bảy rưỡi	
52	Đinh Hoàng Nam	52	53	8,0	Tám	
53	Lưu Công Nam	53	61	7,0	Bảy	
54	Lăng Xuân Ngọc	54	06	7,5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Thị Bích Ngọc	55	46	7,5	Bảy rưỡi	
56	Phạm Kiều Nhi	56	22	7,5	Bảy rưỡi	
57	Nguyễn Thúy Hoài Nhi	57	35	7,5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Nhung	58	02	8,0	Tám	
59	Nguyễn Thị Hồng Nhung	59	54	8,0	Tám	
60	Trần Kim Oanh	60	44	7,5	Bảy rưỡi	
61	Trịnh Thái Phương	61	47	7,5	Bảy rưỡi	
62	Hoàng Văn Quang	62	50	7,5	Bảy rưỡi	
63	Tô Quyền	63	66	7,0	Bảy	
64	Đào Như Quỳnh	64	37	7,0	Bảy	
65	Nguyễn Thị Như Quỳnh-1986	65	45	7,5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Thị Như Quỳnh-1989	66	78	7,5	Bảy rưỡi	
67	Đỗ Đức Thành	67	40	7,5	Bảy rưỡi	
68	Trần Thị Bích Thảo	68	13	7,0	Bảy	
69	Bùi Xuân Thịnh	69	32	7,5	Bảy rưỡi	
70	Đào Xuân Thu	70	05	7,0	Bảy	
71	Nguyễn Đắc Phong	71	69	7,0	Bảy	
72	Trần Thị Thúy Thương	72	52	8,0	Tám	
73	Nguyễn Thị Hồng Thúy	73	29	7,0	Bảy	
74	Bùi Thị Phương Thúy	74	28	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
75	Nguyễn Thị Thanh Thùy	75	59	7,5	Bảy rưỡi	
76	Mông Thị Thùy	76	64	8,0	Tám	
77	Tạ Thị Thủy	77	68	7,5	Bảy rưỡi	
78	Nguyễn Mạnh Tiến	78	87	7,0	Bảy	
79	Ngô Quốc Toàn	79	07	7,5	Bảy rưỡi	
80	Trần Thị Thùy Trang	80	65	7,5	Bảy rưỡi	
81	Nguyễn Thị Thu Trang	81	56	8,0	Tám	
82	Nguyễn Thị Như Trang	82	79	7,5	Bảy rưỡi	
83	Đỗ Hiếu Trung	83	14	8,0	Tám	
84	Đỗ Đức Trung	84	23	7,0	Bảy	
85	Mai Thanh Tú	85	89	7,5	Bảy rưỡi	
86	Lê Thanh Tuấn	86	30	8,0	Tám	
87	Nguyễn Văn Tùng	87	16	8,0	Tám	
88	Nguyễn Lệ Tuyết	88	71	7,0	Bảy	
89	Nguyễn Ngọc Vân	89	01	8,0	Tám	
90	Lê Ngọc Thanh	90	82	7,0	Bảy	P III.2-K50KTT
91	Phạm Thùy Dung	91	77	7,0	Bảy	P III.2-K50KTT
92	Ngô Hồng Hải	92	62	7,5	Bảy rưỡi	P III.2-K50KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hường

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên